

# Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Tây Bắc: thực trạng và giải pháp

Nguyễn Thị Thu Châu

ThS. Trường Đại học Tây Bắc

Received: 24/5/2024; Accepted: 29/5/2024; Published: 5/6/2024

**Abstract:** *Scientific research activities for students are an important task. In order for scientific research among students to be replicated and achieve high results, synchronous and practical solutions are needed to motivate and motivate students to participate. Schools need to raise students' awareness of scientific research activities. Increase funding for scientific research activities in general and scientific research activities for students in particular. Focus on fostering and improving scientific research capacity for*

**Keywords:** *Tay Bac University; Scientific research; Student*

## 1. Đặt vấn đề

Hiện nay, trong các trường đại học, sinh viên (SV) có thể tiếp cận với kiến thức lý luận và thực tiễn thông qua nhiều cách thức phong phú, đa dạng; trong đó nghiên cứu khoa học (NCKH) được đánh giá là phương pháp (PP) hiệu quả để SV mở rộng vốn kiến thức, vốn kỹ năng (KN) mềm; là cơ hội để SV áp dụng những kiến thức lý thuyết đã học vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn. Trường Đại học Tây Bắc (ĐHTB) là một trong những trung tâm lớn đào tạo nguồn nhân lực, là trung tâm NCKH lớn của vùng Tây Bắc. Tuy nhiên trong những năm gần đây, số lượng, chất lượng của các đề tài cũng như số lượng SV tham gia vào NCKH còn nhiều hạn chế; vì vậy cần có các giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy hoạt động NCKH của SV trong bối cảnh hiện nay.

## 2. Nội dung nghiên cứu.

### 2.1. Nghiên cứu khoa học và tầm quan trọng của hoạt động NCKH đối với SV

#### 2.1.1. Nghiên cứu khoa học

Khoa học: Khoa học là một hệ thống các tri thức thể giới quan của con người về những sự vật, hiện tượng, mọi quy luật hoạt động của vật chất, quy luật trong tự nhiên, xã hội và về tư duy.

Theo Điều 3 trong Luật Khoa học và công nghệ 2013, khoa học bao gồm một hệ thống các tri thức bao gồm tất cả mọi thứ thuộc về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của các sự vật, hiện tượng về tự nhiên, xã hội và tư duy.

Nghiên cứu khoa học: là hành động tìm hiểu, quan sát, thí nghiệm để phát hiện ra bản chất, quy luật chung của sự vật, hiện tượng, tìm ra những kiến thức mới (đây là hướng nghiên cứu hàn lâm); tìm ra những ứng dụng kỹ thuật mới, những mô hình mới có ý nghĩa thực tiễn (đây là hướng nghiên cứu ứng dụng)

dựa trên những dữ liệu, tài liệu thu thập được.

Người muốn NCKH phải có những kiến thức nhất định về lĩnh vực nghiên cứu, phải rèn luyện cách làm việc tự lực và có PP. Do đó, là SV với những kiến thức hạn chế thực hiện NCKH càng phải phát huy khả năng tự học để trau dồi những kiến thức cần thiết, đồng thời việc lựa chọn đề tài nên phù hợp với khả năng của mình.

#### 2.1.2. Tầm quan trọng của hoạt động NCKH đối với SV

Có thể khẳng định rằng, NCKH có vai trò hết sức to lớn đối với SV Việt Nam nói chung và SV Trường ĐHTB nói riêng. Chính vì lẽ đó, việc NCKH của SV đã được cụ thể hóa tại thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Bộ GD & ĐT tạo ban hành Quy định về hoạt động NCKH của SV trong các cơ sở GD đại học.

NCKH có vai trò trang bị kiến thức, kỹ năng, PP khoa học phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu khoa học của SV. Tham gia NCKH sẽ giúp cho SV: hiểu được làm cách nào để phát hiện chủ đề nghiên cứu; xây dựng thuyết minh đề cương; cách thức tổ chức thực hiện và giải quyết vấn đề nghiên cứu; tìm hiểu lịch sử vấn đề nghiên cứu; giải thích lý do vì sao phải nghiên cứu; lý giải mục tiêu của việc nghiên cứu; xác định đối tượng và khách thể nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu; cách đặt giả thuyết khoa học; xác định nhiệm vụ nghiên cứu, PP nghiên cứu; dự kiến sản phẩm nghiên cứu và cuối cùng là cách tìm kiếm nguồn TLTK nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu.

NCKH của SV sẽ do các GV có kinh nghiệm hướng dẫn. Người hướng dẫn có vai trò gợi mở, giúp SV hoàn thiện và phát triển tư duy sáng tạo, tư duy phân biện, khả năng phê phán hay bác bỏ vấn đề một cách khoa học. Vai trò của người hướng dẫn là tạo

động lực và truyền cảm hứng, giúp SV nuôi dưỡng đam mê nghiên cứu. Các công trình nghiên cứu của người hướng dẫn được công bố là minh chứng rõ nhất để người học noi theo. Người hướng dẫn luôn lắng nghe, thấu hiểu, phát hiện điểm mạnh và những khó khăn, vướng mắc mà SV đang gặp phải trong quá trình nghiên cứu. Bên cạnh đó, người hướng dẫn có thể giúp SV lựa chọn chủ đề, lập kế hoạch, tìm kiếm tài liệu, khảo sát, xử lý và phân tích số liệu, v.v.

NCKH sẽ giúp SV tích lũy kinh nghiệm trong việc viết báo cáo, thu thập thông tin, hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, v.v.

## **2.2. Thực trạng và giải pháp thúc đẩy NCKH của SV Trường ĐHTB**

### **2.2.1 Thực trạng NCKH của SV Trường ĐHTB**

Trường ĐHTB là trung tâm đào tạo nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, thực hiện các dịch vụ phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của khu vực Tây Bắc và đất nước.

Trường ĐHTB là cơ sở bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học có uy tín về các lĩnh vực cơ bản, khoa học GD phục vụ đặc lực cho sự nghiệp GD của cả nước và có vai trò quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực đối với các tỉnh miền núi phía Bắc. Theo “Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHTB giai đoạn 2020 – 2030 và tầm nhìn 2040”, nhà trường đề ra các mục tiêu phát triển đào tạo, phát triển đội ngũ và trong đó có mục tiêu phát triển khoa học:

- Nâng cao năng lực NCKH theo hướng chuyên sâu khoa học cơ bản và khoa học GD; đẩy mạnh công tác chuyển giao công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của đại học, phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội vùng của đất nước.

- Đẩy mạnh các nghiên cứu về miền núi và vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, ứng dụng KHKT và chuyển giao công nghệ phục vụ đời sống xã hội.

- Tăng nguồn thu tài chính từ hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ đến năm 2024 đạt 5% tổng thu, đến năm 2030 đạt 10% ngân sách.

Ngoài ra nhà trường còn đề ra chiến lược phát triển NCKH, cụ thể:

- Phát triển khoa học phải gắn liền với chiến lược đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ, tạo ra nhiều tiềm lực về vật chất cho nhà trường.

- Chú trọng đến nghiên cứu cả khoa học cơ bản, khoa học GD và khoa học ứng dụng; đặc biệt chú trọng các lĩnh vực nghiên cứu công nghệ mới có khả năng ứng dụng vào thực tiễn đời sống xã hội, miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Nâng cao năng lực NCKH và chuyển giao công nghệ của các đơn vị, nghiên cứu, xây dựng, hình thành một số trung tâm NCKH của trường trên cơ sở tập trung các chuyên gia, đầu tư nghiên cứu trên từng lĩnh vực.

Trong những năm qua (giai đoạn 2019 - 2023), SV Trường ĐHTB đã thực hiện 216 đề tài với sự tham gia của 616 lượt SV. Cụ thể:

- Năm 2019: Tổng số đề tài NCKH của SV toàn trường là 77 với sự tham gia NCKH của 205 SV

- Năm 2020 có 41 đề tài với sự tham gia của 118 SV nghiên cứu, có giảm về mặt số lượng đề tài và số SV tham gia so với năm 2019. Như vậy có sự giảm về số lượng đề tài và số SV tham gia so với năm 2019 là 36 đề tài và số SV tham gia nghiên cứu.

- Năm 2021: Toàn trường có 31 đề tài NCKH của 83 lượt SV tham gia thực hiện, giảm so với năm 2020 là 10 đề tài và 35 SV tham gia nghiên cứu.

- Năm 2022: Số lượng đề tài của SV toàn trường là 25 đề tài, trong tổng số 74 SV tham gia.

- Năm 2023: Có tăng nhẹ về số lượng đề tài của SV, từ 25 đề tài lên đến 42 trong tổng số 136 SV tham gia nghiên cứu.

Như vậy có thể thấy thực trạng NCKH của SV Trường ĐHTB có sự giảm mạnh về dự tham gia của SV qua các năm 2020, 2021, 2022, và tăng nhẹ vào năm học 2024. Bên cạnh đó, SV Trường ĐHTB còn chưa nhận thức đầy đủ và sâu sắc về vai trò, ý nghĩa của hoạt động NCKH đối với việc hình thành và phát triển năng lực, tự học, tự nghiên cứu của SV.

Số lượng SV tham gia nghiên cứu đề tài khoa học cùng với GV còn ở mức độ thấp (20,6%); tham gia các hình thức khác như: semina, hội thảo cũng chỉ chiếm 11,2%. Thực tiễn cho thấy, đây là những hình thức có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển kỹ năng NCKH cho SV. Vì vậy việc tìm ra biện pháp thu hút SV tham gia vào NCKH là yếu tố quan trọng.

### **2.2.2 Giải pháp thúc đẩy hoạt động NCKH cho SV Trường ĐHTB**

*Thứ nhất. Nâng cao nhận thức của SV về hoạt động NCKH*

Trước hết phải nâng cao nhận thức cho SV về vai trò của hoạt động NCKH đối với SV. Đây là nhiệm vụ thường xuyên quan trọng nhằm tạo ra những chuyển biến quan trọng trong nhận thức của SV về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của NCKH trong trường đại học. Do đó, trong quá trình đào tạo, cần thống nhất tính chất và nội dung hoạt động NCKH, đó là hoạt động có phạm vi, nội dung rộng, thâm nhập và có quan hệ

chặt chẽ với các hoạt động khác trong nhà trường, đặc biệt được đặt ngang tầm với hoạt động học tập, rèn luyện, GDĐT.

*Thứ hai: Tăng cường kinh phí cho hoạt động NCKH nói chung và hoạt động NCKH cho SV nói riêng.*

Bên cạnh việc công điểm ưu tiên cho SV khi tham gia NCKH thì việc sử dụng hợp lý nguồn ngân sách cho khoa học, góp phần khích lệ, động viên SV tham gia để phát triển KN và đáp ứng yêu cầu của quá trình đào tạo. Hiện nay mức kinh phí cho hoạt động NCKH cho SV Trường ĐHTB là 100.000đ/1SV, đây là mức kinh phí thấp cho hoạt động NCKH và thu hút SV tham gia vào các hoạt động của NCKH. Nhà trường nên chủ động lập kế hoạch chi tiêu cụ thể, chủ động tìm nguồn kinh phí, đầu tư, hỗ trợ cho hoạt động NCKH, đặc biệt với những đề tài có giá trị thực tiễn cao.

*Thứ ba: Chú trọng bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH cho SV*

Hoạt động NCKH đòi hỏi những kiến thức và KN, để đẩy mạnh hoạt động này nhất thiết phải bồi dưỡng nâng cao kiến thức và KN cho SV, trong đó chú trọng nâng cao trình độ vận dụng PP luận và PP NCKH; kỹ năng phân tích, đánh giá một công trình, đề tài NCKH, áp dụng những kết quả nghiên cứu vào trong thực tiễn. Nhà trường và các khoa đào tạo cần phải quan tâm:

Cần rà soát, đánh giá đúng thực trạng kỹ năng NCKH của SV, xác định điểm mạnh, điểm yếu trong hoạt động này để có biện pháp phù hợp. Tổ chức các hoạt động để SV có cơ hội trải nghiệm sáng tạo, rèn luyện và khẳng định năng lực NCKH của bản thân dưới các hình thức phong phú, bên cạnh các hình thức mà Trường ĐHTB đã thực hiện như: Thông qua sinh hoạt khoa học ở khoa và bộ môn; Tổ chức tọa đàm, trao đổi học thuật, kinh nghiệm NCKH (Hội nghị nghiên cứu khoa học) hằng năm, thì cần bổ sung các hình thức khác: Giao nhiệm vụ có phân công, kiểm tra, giám sát: Các bài tập lớn trong khi học chuyên ngành; tham gia làm đề tài trong nhóm SV (hoặc cùng các giảng viên); Khuyến khích SV tham gia viết bài cho Kỷ yếu Hội thảo, Tạp chí khoa học; tham gia Hội thảo, Hội nghị NCKH (trình bày báo cáo); nhận xét, đánh giá kết quả nghiên cứu trong nhóm nghiên cứu.

*Thứ tư: Tạo môi trường thuận lợi và động lực cho sinh viên NCKH*

- Tăng cường đầu tư thư viện hiện đại, với tài liệu học tập phong phú và không gian thuận lợi để SV tự học tự nghiên cứu. Trang bị về CNTT, mạng internet,

thư viện điện tử.

- Tạo được phong trào SV NCKH, với nhiều hình thức tổ chức để thu hút SV vào hoạt động này: thành lập các CLB sinh viên NCKH, tổ chức các xêmina khoa học, báo cáo chuyên đề khoa học; tổ chức các nhóm SV NCKH theo chuyên ngành. Tạo điều kiện cho SV tham gia đề tài cùng các GV, các nhà khoa học... để họ có cơ hội làm quen, tập dượt và trải nghiệm. Bên cạnh đó, cần có những chính sách về thi đua khen thưởng để khuyến khích động viên SV NCKH.

### 3. Kết luận

Có thể nói, NCKH đã trở thành một hoạt động cần thiết, bổ ích trong các trường đại học, trong đó có Trường ĐHTB và ngày càng thu hút đông đảo SV tham gia, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong các nhà trường và định hướng tương lai của SV. Tuy nhiên tỷ lệ SV tham gia NCKH và các công trình (đề tài) có chất lượng cao còn ít, chưa tương xứng với số lượng, quy mô SV đào tạo nhà trường. Công tác tổ chức triển khai cho sinh viên NCKH không đều giữa các khoa, chuyên ngành, dẫn đến việc nâng cao chất lượng đào tạo đại học, bồi dưỡng tài năng trẻ hạn chế. Bên cạnh đó, PP nghiên cứu của một bộ phận SV không phù hợp, nhiều công trình còn mang tính lý thuyết, chung chung. Hệ thống tư liệu, TLTK phục vụ cho NCKH còn bất cập

Để NCKH trong SV được nhân rộng và đạt kết quả cao, cần những giải pháp đồng bộ, thiết thực tạo động lực, thúc đẩy SV tham gia. Các cơ sở giáo dục cần đổi mới quản lý hoạt động khoa học công nghệ và xây dựng kế hoạch NCKH trong SV từng năm học; nâng kinh phí cho các đề tài NCKH của SV, nhất là những đề tài có giá trị ứng dụng thực tiễn cao nhằm giảm bớt những khó khăn trong quá trình triển khai đề tài. Các trường cần có chính sách đãi ngộ đối với GV hướng dẫn và SV tham gia NCKH. Ngoài nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, trường chủ động hợp tác với các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh vừa thu hút nguồn kinh phí tài trợ cho hoạt động NCKH của SV, vừa giúp các đề tài có tính ứng dụng cao hơn.

### Tài liệu tham khảo:

1. Lê Thị Thanh Chung (2005), *Luận văn, Biện pháp nâng cao chất lượng NCKH giáo dục của sinh viên Đại học Sư phạm*. Hà Nội
2. Lưu Xuân Mới (2003), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB ĐHSP Hà Nội.
3. Quốc hội (2023); *Luật khoa học và công nghệ*. Hà Nội